

Phụ lục 01: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến KH 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: Vốn chuẩn bị đầu tư	
	TỔNG SỐ		9.276.600	8.878.030	724.812	490.430	6.046.788	4.733.146		
I	GIAO THÔNG		7.881.628	790.430	724.812	490.430	464.188	300.000		
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030									
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030									
-	Đường vành đai phía đông thành phố Hà Tĩnh	2278, 07/11/2022; 2764, 02/12/2024	1.189.000	790.430	724.812	490.430	464.188	300.000		
2	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư									
-	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh qua cầu Bến Thủy 3		2.510.000	2.510.000			5.000	5.000	5.000	
3	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030									
-	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài về phía Tây và tuyến nối đường Ngô Quyền kéo dài - Hàm Nghi.		3.483.000	3.483.000			3.483.000	2.628.146		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến KH 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số	<i>Trong đó: Vốn chuẩn bị đầu tư</i>	
-	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối nút giao đường bộ cao tốc tại Km527+580 (đoạn nối QL.1 thuộc xã Cẩm Xuyên đến QL.15B thuộc xã Yên Hòa)	889, 09/4/2026	699.628	699.628			699.628	630.000		
I	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ - KHU CÔNG NGHIỆP		1.394.972	1.394.972	-	-	1.394.972	1.170.000		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030									
-	Hệ thống tiêu thoát lũ, phòng chống ngập úng Khu kinh tế Vũng Áng	1395, 02/6/2026; 1583, 17/6/2026	1.394.972	1.394.972			1.394.972	1.170.000		

Phụ lục 02: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH 05 năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng		Trong đó: Vốn nước ngoài			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	NSTW cấp phát	Vay lại	
	TỔNG SỐ			16.218.008	4.220.246	1.163.489	22.085	3.056.757	2.252.579	804.178	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC			16.218.008	4.220.246	1.163.489	22.085	3.056.757	2.252.579	804.178	
I	ĐÔ THỊ			6.350.469	3.887.001	1.102.252	-	2.784.749	2.006.264	778.485	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030										
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030										
-	Dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Hà Tĩnh	7993047	126/QĐ-TTg; 1698, 30/6/2025	3.286.112	3.179.355	824.223	-	2.355.132	1.659.442	695.690	
-	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh	7816361	180, 16/01/2024	1.249.030	36.100	36.100					
-	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	7786649	2455 03/8/2020; 2622, 13/11/2024; 1156, 22/5/2025; 1396,02/6/2026	986.897	337.133	120.258		216.875	175.202	41.673	
-	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	7853204	1085, 23/8/19; 2749, 24/8/20; 287, 12/2/25; 1408, 02/6/2026	828.431	334.413	121.671		212.742	171.620	41.122	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH 05 năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: <i>Vốn đối ứng</i>		Trong đó: <i>Vốn nước ngoài</i>			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	NSTW cấp phát	Vay lại	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030										
-	Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh			7.979.000	206.315			206.315	206.315		
II	Y TẾ			208.616	11.836	11.836	-	-	-	-	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030										
-	Dự án Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn		28/NQ-HĐND ngày 06/12/2021	208.616	11.836	11.836					
II	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN			231.861	6.238	6.238	-	-	-	-	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030										
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	7760648	286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 5966/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023; 3052, 12/9/2019; 1234, 17/5/2024	231.861	6.238	6.238					
II	GIAO THÔNG			1.448.062	108.856	43.163	22.085	65.693	40.000	25.693	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030										
-	Dự án Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	7544621	613/QĐ-TTg, 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2025; 1611/QĐ-UBND ngày 6/5/2024; 617/QĐ-UBND, 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	1.448.062	108.856	43.163	22.085	65.693	40.000	25.693	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH 05 năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng		Trong đó: Vốn nước ngoài			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	NSTW cấp phát	Vay lại	

Phụ lục 03: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Số lượng dự án	Dự kiến kế hoạch vốn NSĐP 5 năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:					
				Vốn ngân sách XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Thu từ hoạt động xổ số	Vốn tăng thu, dự toán chi còn lại	Các nguồn vốn khác trong dự toán NSNN	
	Tổng số	166	27.071.328	4.317.527	19.635.000	100.000	2.913.801	105.000	
I	Phân cấp cho cấp xã	-	9.581.011	1.727.011	7.854.000	-	-	-	
1	Ngân sách XDCB tập trung bổ sung có mục tiêu (40%)		1.727.011	1.727.011					
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp		7.854.000		7.854.000				
II	Các nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh	166	17.490.317	2.590.516	11.781.000	100.000	2.913.801	105.000	
1	Dự án chuyển tiếp	144	7.848.478	1.400.663	4.064.364	100.000	2.283.451	-	
-	Thu hồi ứng trước	11	601.478		601.478				
-	Chuyển tiếp dự án ODA (bao gồm đối ứng)	3	1.141.404	900.663			240.741		Chi tiết tại Phụ lục số 02
-	Dự án chuyển tiếp do cấp tỉnh quyết định đầu tư	47	4.180.912	500.000	2.135.822	100.000	1.445.090		Chi tiết tại Phụ lục số 05.1
-	Dự án dự án của cấp huyện (cũ) chuyển về tỉnh	83	1.924.685		1.327.065		597.620		Chi tiết tại Phụ lục số 05.2
2	Nhiệm vụ cần thiết giai đoạn 2026-2030	-	6.305.000	300.000	5.900.000	-	-	105.000	
-	Dự phòng các nhiệm vụ phát sinh		500.000		500.000				
-	Đối ứng ODA (dự án mới)		800.000	300.000	500.000				
-	Bổ trí kinh phí thực hiện GPMB, Quỹ phát triển đất, Đối ứng các dự án đầu tư công và các Chương trình MTQG		2.000.000		2.000.000				
-	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP		1.000.000		1.000.000				

[illegible]

Phụ lục 04: NHU CẦU BỐ TRÍ VỐN THU HỒI ỨNG TRƯỚC NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Vốn ứng trước chưa có kế hoạch thu hồi		Số vốn	Nhu cầu bố trí vốn thu hồi ứng trước nguồn ngân sách địa phương	Ghi chú
			Quyết định của cấp thẩm quyền cho phép ứng trước				
			Số Quyết định	Ngày tháng năm			
	TỔNG SỐ				601.477,567	601.477,567	
1	Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư Dự án trọng điểm quốc gia "Khu liên hợp gang và cảng Sơn Dương, tại khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Ban QLDA ĐTXD khu vực Khu kinh tế tỉnh	340; 104 ; 639	19/01/2011; 9/01/2012; 13/3/2013	495.854,194	495.854,194	
2	Hạ tầng khu dân cư đô thị, thương mại và dịch vụ tổng hợp phía Đông - Nam huyện Kỳ Anh (Giai đoạn 1), tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	459	19/2/2016	29.956,498	29.956,498	
3	Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và PTĐT	2.783	20/7/2015	30.939,257	30.939,257	
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Khe Con - Hộ Võ, xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Ban QLDA đầu tư XDCT Dân dụng và HTKV	3234; 2482	17/10/2013; 26/8/2014	2.000,000	2.000,000	
5	Sửa chữa, nâng cấp đập Miếu Lớn xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Ban QLDA đầu tư XDCT Dân dụng và HTKV	3234; 2482	17/10/2013; 26/8/2014	4.000,000	4.000,000	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Con Trôi, Con Song và Đập Mung, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay Sở Nông nghiệp và Môi trường)	3234; 2482	17/10/2013; 26/8/2014	2.000,000	2.000,000	
7	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng tỉnh Hà Tĩnh	Ban quản lý 5 triệu ha rừng tỉnh Hà Tĩnh	2.355	31/7/2009	78,000	78,000	
8	Trụ sở tỉnh đội Hà Tĩnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	667	18/3/2008	59,000	59,000	
9	Đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và PTĐT			10.150,491	10.150,491	
10	Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (NS huyện chuyển về)	Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và PTĐT			17.259,000	17.259,000	
11	Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cấp nước cho khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh (NS huyện chuyển về)				9.181,128	9.181,128	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Vốn ứng trước chưa có kế hoạch thu hồi			Nhu cầu bố trí vốn thu hồi ứng trước nguồn ngân sách địa phương	Ghi chú
			Quyết định của cấp thẩm quyền cho phép ứng trước		Số vốn		
			Số Quyết định	Ngày tháng năm			

Phụ lục 5.1: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết 31/01/2026		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
	TỔNG CỘNG				19.815.750	8.185.097	7.616.005	3.741.568	4.480.912	4.180.912	
I	Dự án hoàn thành				530.638	373.638	456.728	306.728	18.923	18.923	
a	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán										
1	Đường từ thị trấn Đức Thọ đến Khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	7941294	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	2480, 29/10/2024	117.000	47.000	93.434	23.434	7.426	7.426	
2	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Đức Đồng - Đức Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	7778248	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	1936, 24/6/2019	130.000	95.000	101.202	66.202	6.000	6.000	
3	Cầu Hóp Chuối thị trấn Vũ Quang	7959984	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	2764; 31/128/2022	120.000	120.000	109.300	109.300	3.211	3.211	
4	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Lộc Yên	7859084	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	2583, 15/9/15	163.638	111.638	152.792	107.792	2.286	2.286	
II	Dự án chuyển tiếp				19.285.112	7.811.459	7.159.277	3.434.840	4.461.989	4.161.989	
1	Dự án Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	7942217	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3024, ; 30/12/2024	380.000	307.300	47.833	1.895	310.167	310.167	
2	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	7946312	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3116, 21/11/2023	150.000	150.000	91.008	91.008	58.991	58.991	
4	Đường nối đường gom Quốc lộ 15B đi Cụm công nghiệp Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	8131256	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3067, 31/12/2024	54.000	54.000	6.933	6.933	47.067	47.067	
5	Hệ thống điện chiếu sáng KDL Thiên Cẩm đoạn Quốc lộ 15B (từ Km44+950 đến Km52+120) và hệ thống đèn trang trí cầu Cửa Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	8096165	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	1667, 09/7/2024	33.000	33.000	25.999	25.999	6.058	6.058	
6	Hạ tầng khu du lịch Nam Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên	7941956	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	219, 23/01/2025	162.744	72.744	129.857	39.857	23.541	23.541	
7	Hạ tầng du lịch biển Thạch Hà	7602235	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	2046/QĐ - UBND 20/7/2017	62.000	62.000	21.835	2.423	40.156	40.156	
8	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bàng huyện Lộc Hà	7935525	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3560, 27/10/2021	84.200	84.200	33.016	370	51.184	51.184	
9	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	7936829	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	731; 07/4/2022	164.000	44.000	114.940	8.737	49.000	49.000	

STT	Nội dung	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết 31/01/2026		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
10	Quảng trường biển Cửa Sốt, huyện Lộc Hà	8039671	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	1270, 22/5/2024	79.760	79.760	20.386	20.386	4.921	4.921	
11	Dự án Xử lý cấp bách đê Hữu Phú, huyện Thạch Hà, đoạn từ K10+00 đến K15+315	7868256	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3898, 26/11/2020	130.000	130.000	82.266	82.266	47.734	47.734	
12	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào Cụm công nghiệp Gia Phố (Giai đoạn 1)	8075141	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	141, 08/12/2023; 2522, 01/11/24	14.900	14.900	3.668	3.668	11.232	11.232	
13	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	7935693	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	903; 04/5/2022, 1505; 24/06/25	199.097	59.097	165.642	25.642	33.455	33.455	
14	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	7947023	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	903; 04/5/2022, 1505; 24/06/25	100.000	100.000	70.251	70.251	29.749	29.749	
15	Đường giao thông liên xã Khánh Vĩnh Yên - Thanh Lộc, huyện Can Lộc đi thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	8042041	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	139, 12/01/2024	90.000	90.000	51.557	51.557	35.865	35.865	
16	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB và tái định cư dự án trọng điểm quốc gia "Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương, tại Khu kinh tế Vũng Áng	7046805	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	2925, 20/10/2008; 683, 10/3/2013	7.096.543				10.200	10.200	
17	Đường trục chính trung tâm nổi Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	7915943	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	755, 12/4/2022, 2510, 31/10/2024, 1922, 29/7/2025; 1474, 05/6/2026	1.499.975	499.975	1.139.911	339.494	160.191	160.191	
18	Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	7961948	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	2391, 23/11/2022	668.826	168.826	535.595	42.904	130.439	130.439	
19	Xây dựng nghĩa trang xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	8148317	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	337, 19/2/2025	50.000	50.000	18.508	18.508	31.492	31.492	
20	Xây dựng hạ tầng tái định cư đáp ứng thực hiện di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phong 1 và Hải Phong 2, thị xã Kỳ Anh (giai đoạn 1)	8137379	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	338, 19/2/2025	70.000	70.000	29.715	29.715	40.285	40.285	
21	Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Kỳ Anh	8009445	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	2753, 30/12/2022	75.000	75.000	47.675	47.675	27.326	27.326	
22	Cầu vượt lũ Phố Giang, huyện Hương Sơn	8043574	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	526, 23/02/2024	172.000	172.000	43.418	43.418	90.816	90.816	

STT	Nội dung	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết 31/01/2026		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
23	Xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	7892320	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3499, 22/10/2021; 2051, 30/8/2023; 91, 14/01/2025; 980, 9/5/2025; 1422, 02/6/2026	630.889	630.889	335.777	335.777	295.107	295.107	
24	Dự án đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài về phía Đông	8047213	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	572, 01/3/2024	1.498.000	1.498.000	505.802	505.802	992.198	992.198	
25	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lộc Yên - đường Hồ Chí Minh (đoạn Km39+030 ÷ Km47+830)	7892321	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2926, 17/8/2021; 1894, 05/8/2024	328.618	328.618	284.296	284.296	26.000	26.000	Giảm nhu cầu do đã chốt giá trị quyết toán
26	Đường vành đai phía đông thành phố Hà Tĩnh	7897757	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	956, 09/5/2022; 2764, 02/12/2024	1.189.000	398.570	724.812	234.382	464.188	164.188	
27	Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh	7596599	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1183, 28/5/2025	305.000	305.000	81.068	81.068	223.932	223.932	
28	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh	7982221	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1809, 31/8/2022; 835, 06/4/2026	291.402	291.402	218.826	218.826	72.576	72.576	
29	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thiếp, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)	8041353	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2727, 20/10/2023; 818, 03/4/2026	206.555	206.555	170.000	170.000	36.555	36.555	
30	Nâng cấp đường Đồng Quế, thành phố Hà Tĩnh	7267616	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3782, 17/12/2010; 1494, 18/6/2024; 220, 23/01/2025	28.269	28.269	14.759	14.759	13.510	13.510	
31	Đường Trung Tiết (đoạn từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Nguyễn Công Trứ), thành phố Hà Tĩnh	7731906	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	210, 12/7/2018; 3265, 30/10/2018; 2127, 30/8/2024	13.144	13.144	7.450	7.450	5.694	5.694	
32	Đường Lê Duẩn kéo dài đoạn từ đường Nguyễn Xí đến Quốc lộ 1A thành phố Hà Tĩnh	7601738	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3091, 31/10/2016; 1806, 31/8/2022; 218, 23/01/2025	157.000	35.500	142.032	20.532	14.968	14.968	
33	Củng cố, nâng cấp đê phía tây bờ tả sông Phù, đoạn từ cầu Núi đến cầu Phù, thành phố Hà Tĩnh	7137636	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3399, 28/10/2009; 2344, 19/6/2015; 2599, 19/9/2016; 3112, 31/12/2024	74.255	74.255	67.601	67.601	6.578	6.578	
34	Kê biên dọc theo Khu tái định cư thôn Minh Huệ, xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh	8067424	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3296, 13/12/2023	50.000	50.000	35.172	35.172	14.828	14.828	
35	Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	7941295	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	107 13/01/2022	177.193	177.193	149.999	149.999	27.194	27.194	

STT	Nội dung	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết 31/01/2026		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
36	Kè chống sạt lở hai bờ khe Bình Lạng, thị xã Hồng Lĩnh (Đoạn từ cầu Đồi đến hồ điều hòa Bắc Hồng và đoạn từ cầu Đức Thuận đến kênh Nhà Lê)	7775324	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2773 ngày 19/8/2019; 887 17/4/2023	41.020	41.020	28.186	28.186	12.834	12.834	
37	Đường trục dọc khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	7960543	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2762, 31/12/2022	125.000	125.000	108.780	105.000	16.220	16.220	
38	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc Lộ 8C đoạn từ Thiên Cẩm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	7952808	Sở Xây dựng	1723/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2022 BGTVT; 2320/QĐ-BXD, 17/12/2025 của BXD	1.075.759	230.759	910.256	178.466	720	720	
39	Đường miền núi liên huyện Hồng Lĩnh - Can Lộc - Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	7004686	Bộ CHQS tỉnh	3037, 15/10/2020	157.315	57.315	95.300	5.000	16.300	16.300	
40	Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	7936920	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	3545, 31/12/2023; 277, 27/01/2026	250.000	57.198	160.009	4.000	89.991	89.991	
41	Dự án Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	7948966	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	3042, 21/11/2023 và 205, 21/01/2026	484.258	161.080	327.991	4.813	156.267	156.267	
42	Nâng cấp tuyến đường trục xã TX.01 đoạn từ Quốc lộ 15B đến thôn Văn Sơn, xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà	8119291	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	NQ 170/HĐND ngày 18/7/2024	48.000	48.000	774	774	29.800	29.800	
43	Đường kết nối tuyến tránh Quốc lộ 1A đi đường ven biển (tuyến ĐH.17)	8168767	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	2125, 22/8/2025	709.740	709.740	30.000	30.000	679.740	679.740	
44	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Sung, huyện Kỳ Anh	8001944	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	1171/QĐ-UBND 08/5/2024	40.000	10.000	28.873	230	9.770	9.770	
45	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đá Hân, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	8001937	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	491, 19/02/2024	68.650	17.150	51.500	-	17.150	17.150	

Phụ lục 5.2: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CỦA CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
	TỔNG CỘNG				3.456.644	3.456.644	1.422.687	1.422.687	1.924.685	1.924.685	
I	Dự án hoàn thành				341.719	341.719	275.730	275.730	64.991	64.991	
a	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán										
	Thành phố Hà Tĩnh (cũ)										
-	Hạ tầng khu dân cư Hợp Tiến (giai đoạn 1), phường Thạch Linh	8089045	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3027, 17/12/2024	14.900	14.900	9.099	9.099	5.800	5.800	
-	Nâng cấp đường Mai Thúc Loan đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Nguyễn Du	8105640	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 79/NQ-HĐND ngày 27/5/2024; 2073, 11/9/2024	30.000	30.000	26.500	26.500	3.500	3.500	
-	Hạ tầng khu dân cư Ao Tổng 2, xã Thạch Bình (giai đoạn 2)	8097761	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 2533, 29/10/2024	7.860	7.860	5.100	5.100	2.760	2.760	
-	Xây nhà 3 tầng 16 phòng kết hợp thư viện Trường THCS Lê Bình	8079339	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	43/NQ-HĐND, ngày 06/10/2022; 59/NQ-HĐND ngày 29/6/2023; 364, 05/2/2024	23.000	23.000	16.550	16.550	6.450	6.450	
-	Nâng cấp, chỉnh trang Đại Lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh	8098686	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 1705, 25/7/2024	50.000	50.000	37.890	37.890	11.400	11.400	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Du (Đoạn từ đường trần phú đến đường nguyên công trứ)	8011168	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	79/NQ-HĐND ngày 27/5/2024; 3176, 27/12/2022; 2577, 06/11/2024	90.500	90.500	78.028	78.028	12.472	12.472	
-	Hạ tầng dân cư Trung Tiến, xã Đồng Môn (giai đoạn 2)	8109225	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 2652, 13/11/2024	9.659	9.659	5.000	5.000	4.659	4.659	
-	Thâm nhựt đường Mai Thúc Loan (đoạn từ đường Nguyễn Du đến Ngã ba Thạch Đồng) và đường Dương Chấp Trung	8146782	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	92/NQ-HĐND ngày 17/11/2024; 1692, 26/4/2025	14.800	14.800	11.450	11.450	3.350	3.350	
-	Đầu tư xây dựng một số hạng mục Trường Mầm non I	8109021	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 2287, 01/10/2024	21.000	21.000	17.614	17.614	3.100	3.100	
-	Xây Trường THCS Đại Nài ở địa điểm mới	8032240	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1342, 14/6/2023; 440, 23/02/2024	80.000	80.000	68.500	68.500	11.500	11.500	
II	Dự án chuyển tiếp				3.114.925	3.114.925	1.146.957	1.146.957	1.859.693	1.859.693	
	Huyện Hương Khê										
-	Đường giao thông nối đường Huyện lộ 2 (ĐH.87) đi đường Hồ Chí Minh, huyện Hương Khê	7999325	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	17424,11/5/23	24.500	24.500	17.100	17.100	7.400	7.400	
-	Đường giao thông tránh lũ kết hợp vào khu xử lý chất thải rắn huyện Hương Khê tại thôn 2, xã Hương Thủy	7959538	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	4408,28/9/22	14.900	14.900	11.600	11.600	3.300	3.300	
-	Nâng cấp đường giao thông Huyện lộ 92 (ĐH92) đoạn từ xã Hương Thủy đi xã Hương Giang, huyện Hương Khê	7944311	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	603,14/2/22	43.100	43.100	28.000	28.000	13.600	13.600	
	Huyện Can Lộc (cũ)										
-	Xây dựng nhà học 4 tầng trường THPT Đồng Lộc, huyện Can Lộc	8080684	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	746, 29/02/2024	25.000	25.000	19.176	19.176	4.924	4.924	
	Huyện Thạch Hà (cũ)										

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Dãy nhà 03 tầng 06 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Nguyễn Thiếp	8128529	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	9449, 30/12/2024	8.500	8.500	2.705	2.705	5.631	5.631	
-	Đường giao thông nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà (giai đoạn 5)	8086818	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	1548; 03/4/2024	15.000	15.000	8.313	8.313	4.000	4.000	
	Huyện Cẩm Xuyên (cũ)										
-	Đường Phạm Lê Đức, thị trấn Cẩm Xuyên	7972205	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	3516, 15/5/2024	39.000	39.000	24.375	24.375	8.940	8.940	
-	Đường Cẩm Sơn đi Cẩm Thịnh (Đường tránh lũ)	7972202	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và HTKV tỉnh	7950, 06/11/2023	47.000	47.000	25.134	25.134	17.208	17.208	
	Huyện Kỳ Anh (cũ)										
-	Nâng cấp, sửa chữa đường trục xã Kỳ Thượng (Đoạn ĐH.145 cũ)	8101442	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	3692, 9/7/2024	22.000	22.000	12.715	12.715	9.285	9.285	
-	Kênh tiêu thoát lũ khe Đồng Quanh từ cầu mụ lược đến đập Họ	8094075	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	3387, 24/06/2024	12.269	12.269	7.500	7.500	4.769	4.769	
-	Đường giao thông liên khu vực đô thị mới Kỳ Đồng (Đoạn từ QL1 đến đường chính đô thị Kỳ Đồng)	8063240	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	7943, 8/11/2023	30.000	30.000	14.293	14.293	15.706	15.706	
	Huyện Hương Sơn (cũ)										
-	Nhà học 02 tầng 06 phòng và các HMPT Trường MN Sơn Tây (điểm Hà Chua)	8125409	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	772, 03/3/2025	9.000	9.000	397	397	8.237	8.237	
	Huyện Nghi Xuân (cũ)										
-	Xây dựng tuyến đường An - Giang - Tiên - Yên (HL12), huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1)	8073224	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	Số 362, 18/01/2024	55.733	55.733	44.700	44.700	5.422	5.422	
-	Tuyến đường phát triển du lịch xã Cương Gián - Xuân Liên (giai đoạn 2)	8102991	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh	Số 4316, 19/8/2024	41.446	41.446	18.794	18.794	22.652	22.652	Đang điều chỉnh tăng TMĐT
	Thành phố Hà Tĩnh (cũ)										
-	Xây dựng nhà học 4 tầng 24 phòng trường Tiểu học Nguyễn Du	8106819	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 89/NQ-HĐND ngày 23/9/2024; 3371, 31/12/2024; 2816, 26/6/2025	25.200	25.200	7.550	7.550	17.650	17.650	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7, phường Hà Huy Tập	7633564	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	572/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	75.346	75.346	32.556	32.556	42.790	42.790	
-	Nâng cấp đường Nguyễn Hoàng Từ (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Duẩn)	7994098	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2679, 24/11/2022	29.000	29.000	21.837	21.837	6.725	6.725	
-	Hạ ngầm hệ thống điện dọc đường Trường Chinh (đoạn từ đường Lê Văn Huân đến Trạm 110kV Thạch Linh)	7994844	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2233, 12/10/2022; 2857, 27/6/2025	44.989	44.989	35.400	35.400	9.589	9.589	
-	Hạ tầng khu dân cư Đồi Mốt, phường Thạch Linh và xã Thạch Trung	8097759	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	46/NQ-HĐND, 25/11/2022; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 2700, 19/11/2024	25.500	25.500	11.983	11.983	13.517	13.517	
-	Đường Trường Chinh đoạn từ đường Lê Văn Huân đến đường Lê Hồng Phong, thành phố Hà Tĩnh	8097760	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	102/NQ-HĐND, 04/12/2020; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	55.000	55.000	13.399	13.399	41.591	41.591	
-	Nâng cấp đường Đặng Văn Bá, xã Thạch Bình	7959088	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1874, 13/5/2025	21.000	21.000	16.200	16.200	4.670	4.670	
-	Đường bờ Bắc của kênh thoát nước phía Tây thành phố (đoạn từ ngõ 151 đường Vũ Quang đến hồ Nhật Tân, phường Thạch Linh)	8022190	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	732, 13/4/2023; 2363, 10/10/2024	23.500	23.500	16.546	16.546	6.954	6.954	
-	Hạ ngầm hệ thống điện khu quy hoạch dân cư Bắc Quý, phường Thạch Quý	8022191	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	737, 13/4/2023	5.594	5.594	2.702	2.702	2.892	2.892	
-	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Vũ Quang (đoạn từ đường Trần Phú đến Cầu Đông)	8091395	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 1579, 11/7/2024	82.300	82.300	64.008	64.008	6.898	6.898	
-	Đường giao thông từ khu quy hoạch bệnh viện Vinmec đến đường Nguyễn Du	8025726	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1010, 10/5/2023	30.000	30.000	14.715	14.715	15.285	15.285	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Mở rộng, nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường Ngô Quyền (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Quang Trung)	8086200	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 79/NQ-HĐND ngày 27/5/2024; 2266, 30/9/2024; 2857, 27/6/2025	147.500	147.500	66.000	66.000	81.500	81.500	
-	Đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Từ đến đường Đội Cung)	8099252	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	Số 1581, 23/4/2025; 2811, 26/6/2025	30.000	30.000	6.900	6.900	20.000	20.000	
-	Nâng cấp, chỉnh trang đường Nam Ngạn	8099266	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023; 1773, 31/7/2024	47.000	47.000	8.548	8.548	38.452	38.452	CĐT đề xuất tăng
-	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong, phường Thạch Linh	8089046	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 2119/16/9/2024	40.000	40.000	18.685	18.685	21.315	21.315	
-	Nhà học 3 tầng 21 trường THCS Thạch Linh	8109229	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3354, 31/12/2024; 2812, 26/6/2025	19.800	19.800	6.950	6.950	12.850	12.850	
-	Đầu tư xây dựng, nạo vét, xây dựng hệ thống cống bao tách, gom nước thải và cải tạo nâng cấp khu vực dọc bờ Sông Cụt	8122057	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2833, 05/12/2024	68.000	68.000	29.400	29.400	38.600	38.600	
-	Nâng cấp tuyến đường Phan Đình Giót (đoạn từ đường Hà Tôn Mục đến đường Phan Đình Phùng)	8126749	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3167, 24/12/2024	14.900	14.900	4.000	4.000	10.900	10.900	
-	Xây dựng dãy nhà 03 tầng 18 phòng học Trường THCS Nam Hà, phường Nam Hà	8128255	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3363, 31/12/2024; 2813, 26/6/2025	23.500	23.500	6.377	6.377	17.123	17.123	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Xây dựng dãy nhà 03 tầng 10 phòng trường Mầm non Bắc Hà	8140667	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	67/NQ-HĐND ngày 13/10/2023 89/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 397, 07/02/2025 1278, 01/4/2025	15.500	15.500	10.994	10.994	4.250	4.250	
-	Nhà học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học 1 Tân Lâm Hương	8158633	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2547, 17/6/2025	13.500	13.500	7.000	7.000	6.500	6.500	
-	Nhà đa năng Trường Tiểu học Hà Huy Tập	8160551	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	97/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 2773, 25/6/2025	10.000	10.000	3.000	3.000	7.000	7.000	
50	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Hà Tôn Mục (đoạn từ đường Phan Đình Giót đến đường Nguyễn Biểu)	8155516	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2177, 30/5/2025	14.950	14.950	4.500	4.500	10.450	10.450	
-	Nâng cấp, chỉnh trang một số hạng mục tuyến đường Hải Thượng Lân Ông (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Trung Thiên)	8156795	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1741, 29/4/2025; 2377, 10/6/2025	19.800	19.800	10.000	10.000	9.800	9.800	
-	Khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý (Giai đoạn 1)	8095709	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1195, 30/05/2023; 946, 03/5/2024	37.000	37.000	24.105	24.105	3.500	3.500	
-	Xây dựng nhà 03 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Thạch Hưng, xã Thạch Hưng	8158628	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	89/NQ-HĐND ngày 23/9/2024	16.350	16.350	4.900	4.900	11.450	11.450	
-	Hạ tầng tái định cư và phát triển quỹ đất vùng trạm điện Trung Hòa, thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	8161112	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2155, 28/5/2025	25.900	25.900	2.000	2.000	23.900	23.900	
-	Hạ tầng tái định cư và phát triển quỹ đất khối phố Tân Yên, phường Văn Yên	8161113	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2155, 28/5/2025	12.600	12.600	1.000	1.000	11.600	11.600	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	8109927	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	721, 07/3/2025	36.000	36.000	14.000	14.000	22.000	22.000	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Hạ tầng khu dân cư Đồng Cửa Hàng (gắn với tuyến đường trục chính đô thị), xã Thạch Bình	8092042	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3092, 20/12/2024	55.000	55.000	19.008	19.008	35.992	35.992	
-	Hạ tầng khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý (giai đoạn 2)	8102093	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 722, 07/3/2025; 2814, 26/6/2025	42.048	42.048	18.100	18.100	23.948	23.948	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt phía Tây thôn Tân Học, xã Thạch Hạ (giai đoạn 2	8138050	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	671, 05/3/2025	50.000	50.000	15.900	15.900	34.100	34.100	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt phía Đông thôn Tân Học, xã Thạch Hạ	8109232	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	717, 07/3/2024	42.000	42.000	12.000	12.000	30.000	30.000	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt (Khu N Quy hoạch trung tâm hành chính), xã Thạch Hưng (Giai đoạn 2)	8104024	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	662/QĐ-UBND; ngày 04/3/2024	26.970	26.970	10.000	10.000	16.970	16.970	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt (Khu M Quy hoạch trung tâm hành chính), xã Thạch Hưng (giai đoạn 2	8104022	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	660, 03/3/2024	50.000	50.000	23.000	23.000	27.000	27.000	
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt Đồng Kênh, đồng Cửa Miếu, xã Thạch Hưng (Giai đoạn 2	8109226	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 693, 06/3/2025; 2815, 26/6/2025	44.904	44.904	17.500	17.500	15.500	15.500	
-	Hạ tầng hai bên Kênh phía Tây thành phố, phường Thạch Linh (giai đoạn 2)	8106815	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	725, 07/3/2025	46.200	46.200	13.865	13.865	32.335	32.335	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Hạ tầng khu dân cư xen lẫn, xen kẹt khối phố Bắc Quý, phường Thạch Quý	8103459	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022; 70/NQ-HĐND ngày 20/12/2023; 719, 07/3/2025; 2832, 26/6/2025	51.500	51.500	13.500	13.500	38.000	38.000	
-	Hạ tầng khu dân cư Cầu Ngan, xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh	7595717	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3136/QĐ-UBND; 28/12/2021	80.000	80.000	45.518	45.518	5.000	5.000	
-	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bường, xã Thạch Hưng	8097758	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2308, 04/10/2024	37.500	37.500	18.263	18.263	19.237	19.237	
-	Nâng cấp, cải tạo Cầu Mương và chỉnh trang đường Phan Đình Phùng (đoạn từ cầu Mương đến đường Nguyễn Trung Thiên)	8090435	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1541, 08/7/2024	38.000	38.000	4.153	4.153	33.847	33.847	
-	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Hàm Nghi (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Quý Đôn)	8133427	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2841, 26/6/2025	55.000	55.000	19.000	19.000	36.000	36.000	
-	Nâng cấp, cải tạo mặt đường một số đoạn tuyến đường Hàm Nghi (đoạn từ đường Lê Văn Thiêm đến đường tránh Quốc lộ 1)	8157969	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1741, 29/4/2025; 2857, 27/6/2025	19.900	19.900	7.500	7.500	12.400	12.400	
-	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung (đoạn từ đường Ngô Quyền đến cầu Hộ Độ)	8160849	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2137, 23/8/2025	79.000	79.000	27.963	27.963	51.038	51.038	
-	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Công Trứ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Huy Lung)	8011169	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3220, 28/12/2022; 1291, 14/6/2024; 2795, 29/11/2024; 2826, 26/6/2025	76.000	76.000	45.061	45.061	30.939	30.939	
-	Nâng cấp đường Nguyễn Xí đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp xã Tân Lâm Hương	8128256	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	3353, 31/12/2024; 2810, 26/6/2025	40.000	40.000	12.000	12.000	28.000	28.000	

STT	Nội dung	Mã dự án (Tabmis)	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết niên độ 2025		Dự kiến kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nhu cầu vốn ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS cấp tỉnh					
-	Nâng cấp đường Hà Hoàng (đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến đường Trần Phú	8146371	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	1634, 24/4/2025	39.000	39.000	21.000	21.000	18.000	18.000	
-	Chỉnh trang, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 1 (đoạn từ đường vào Khu tổ hợp Green Eco đến đường Nguyễn Biểu)	8158630	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2521, 15/10/2025	325.000	325.000	5.500	5.500	319.500	319.500	
-	Hạ tầng tái định cư và phát triển quỹ đất tại xã Tân Lâm Hương và Xã Thạch Đài	8161111	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2155, 28/5/2025	32.150	32.150	760	760	31.390	31.390	
	Thị xã Hồng Lĩnh (cũ)										
-	Đường giao thông khu dân cư Thuận Minh, phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 2)	8150716	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	967 ngày 12/5/2025	14.980	14.980	2.859	2.859	12.121	12.121	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên Trung tâm thị xã (giai đoạn 1)	8014287	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	389 ngày 7/2/2024	217.000	217.000	76.618	76.618	119.785	119.785	
-	Nâng cấp, mở rộng đường lên khu di tích danh thắng chùa Động Hang, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	8061375	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	864 ngày 22/4/2024	65.000	65.000	1.800	1.800	63.200	63.200	
-	Đường giao thông và mương thoát nước khu dân cư phía Đông Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 3)	8054610	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	2754 ngày 26/12/2023	14.096	14.096	8.689	8.689	5.407	5.407	
	Thị xã Kỳ Anh (cũ)										
-	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông TDP Hưng Bình, phường Hưng Trí	8157677	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông và PTĐT	4757, 19/11/2024	9.000	9.000	160	160	8.840	8.840	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh										
-	Hạ tầng khu dân cư Liên Nhật, phường Thạch Hạ (giai đoạn 3), nay là phường Trần Phú, tỉnh Hà Tĩnh	8166656	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	336, 30/01/2026	45.000	45.000	250	250	44.750	44.750	
-	Hạ tầng khu dân cư Đồng Cửa Miếu, phường Thạch Hưng (giai đoạn 3)	8166658	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	1683, 29/6/2026	15.000	15.000	219	219	14.781	14.781	
-	Hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố Nam Tiến, phường Thạch Linh, nay là phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	8106817	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	2960/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	44.000	44.000	3.500	3.500	40.500	40.500	
-	Hạ tầng dân cư Bến Hói, xã Thạch Bình nay là xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh	8106814	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	3344, 30/12/2025	43.500	43.500	3.000	3.000	40.500	40.500	
-	Hạ tầng khu dân cư thôn Bình Minh, xã Thạch Bình	8166774	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	92/NQ-HĐND ngày 17/11/2024	20.000	20.000	213	213	19.787	19.787	

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/Đề xuất đầu tư		Mức vốn đã dự kiến bố trí theo Văn bản số 453-CV/ĐU	Mức vốn dự kiến trong KH đầu tư công giai đoạn 2026-2030 (cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với dự kiến khả năng nguồn vốn)	Chênh lệch	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú	
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: Vốn NSDP
	TỔNG SỐ			5.229.154	4.524.154	3.619.367	3.336.839	-282.528			
I	Quốc phòng - An ninh										
1	Cải tạo, nâng cấp bến cập tàu đảo Sơn Dương	Phường Vững Áng		40.000	40.000	36.000	36.000	Nâng cao chất lượng sử dụng, tăng cường tính bền vững công trình, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện, góp phần cho đơn vị xử lý tốt các vấn đề khi có các tình huống xảy ra	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III		
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh (đối ứng NSDP)	Phường Trần Phú	9255/QĐ-BCA-H02; 20/11/2025	1.060.000	355.000	355.000	355.000	Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo điều kiện làm việc, hiện đại, tiện nghi, đồng bộ cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Hà Tĩnh	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công tác (làm việc, luyện tập, sinh hoạt, ứng trực, ăn uống, ở doanh trại) của Ban Giám đốc và 19 phòng trực thuộc Công an tỉnh Hà Tĩnh với quy mô đầu tư 1.226 cán bộ chiến sỹ theo quy định		
3	Dự án Xây dựng một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ tại khu vực quy hoạch Trụ sở Công an tỉnh	Phường Trần Phú	3232; 23/12/2025	45.000	45.000	45.000	45.000	Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng một số công trình hạ tầng kỹ thuật để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành xây dựng Trụ sở Công an tỉnh, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất quy hoạch trụ sở Công an tỉnh, xây dựng hàng rào bao quanh 1.195m, hoàn trả mương tưới nước và đường nội đồng 381m		
II	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp										
1	Xây dựng Hạ tầng Khu TĐC tại TDP Trường Sơn, phường Vững Áng, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 01)	Phường Vững Áng	1538, 12/6/2026; 1580, 17/6/2026	950.579	950.579	789.459	789.459	Việc đầu tư dự án để chủ động trong bố trí tái định cư GPMB cho người dân có đất thu hồi, tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư và góp phần xây dựng Khu kinh tế Vững Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Đầu tư 02 tuyến đường kết nối vào khu vực tái định cư; san nền diện tích 912.978m2; đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước, hạ tầng kỹ thuật, nhà văn hóa		
2	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng Khu tái định cư Tò dân phố Đồng Yên, phường Hoành Sơn	Phường Hoành Sơn	1772, 07/7/2026	110.000	110.000	130.000	99.000	-31.000	Khu hạ tầng tái định cư tại Tò dân phố Ba Đồng cũ (nay là Tò dân phố Đồng Yên), đã được đầu tư và đưa vào sử dụng từ năm 2013, quy mô nhỏ và hiện nay đã bị xuống cấp, không đáp ứng các điều kiện để bố trí tái định cư cho các hộ dân. Cần thiết đầu tư dự án để chủ động công tác tái định cư phục vụ GPMB, thu hút đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu Nghị quyết số 09 ngày 22/11/2021 của BCH Đảng bộ Tỉnh và Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 06/10/2025	Cải tạo hệ thống hạ tầng trong phạm vi diện tích khoảng 22ha, gồm: Nâng cấp mở rộng một số tuyến đường, cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước, cấp nước, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng và các hạng mục phụ trợ; cải tạo nhà văn hóa của tổ dân phố	Điều chỉnh giám để phù hợp với TMBĐT được phê duyệt

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/Đề xuất đầu tư			Mức vốn đã dự kiến bố trí theo Văn bản số 453-CV/ĐU	Mức vốn dự kiến trong KH đầu tư công giai đoạn 2026-2030 (<i>cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với dự kiến khả năng nguồn vốn</i>)	Chênh lệch	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP						
3	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại phường Sông Trí	Phường Sông Trí		320.979	320.979	150.000	150.000		Phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân của tổ dân phố Hải Thanh, phường Sông Trí để GPMB thực hiện các dự án trọng điểm tại Khu Kinh tế Vũng Áng.	Đầu tư khu tái định cư diện tích 29,5ha, bao gồm các hạng mục: Hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật, san nền 18,3ha, đầu tư mới hệ thống cấp điện, nhà văn hóa, cấp nước...	Tên dự án theo VB 453: Hạ tầng Khu tái định cư phục vụ di dời các hộ dân của tổ dân phố Hải Thanh, phường Sông Trí
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp Nhà liên hợp Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo kết hợp Quốc môn và khu vực xung quanh Cửa khẩu	Xã Sơn Kim I	1811, 16/7/2026	154.805	154.805	146.624	139.325	-7.299	Bảo đảm cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho các lực lượng chức năng tại Cửa khẩu; nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa; tạo không gian cửa khẩu hiện đại, thông thoáng, góp phần cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý cửa khẩu; và nâng cao hình ảnh cửa khẩu quốc tế, tăng cường giao thương Việt Nam - Lào, phát huy vai trò của hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng	Cải tạo tổng thể nhà Quốc Môn, nâng cấp, cải tạo sân, đường, cảnh quan xung quanh và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà	Điều chỉnh giảm để phù hợp với TMDT được phê duyệt
5	Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi bên ngoài ranh giới dự án Khu công nghiệp Bắc Thạch Hà (GD1)	Xã Việt Xuyên, Thạch Hà, Đồng Kinh	700, 27/3/2026	100.000	100.000	90.000	90.000	-	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, giảm ngập úng cho khu vực các xã Việt Xuyên, Thạch Hà, Đồng Kinh, trong đó có Khu công nghiệp VSIP Hà Tĩnh. Tạo nguồn cấp nước tưới cho các trạm bơm trên hệ thống phục vụ sản xuất, cải thiện môi trường sinh thái, tăng cường khả năng ứng phó thiên tai, góp phần ổn định đời sống dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội	Nạo vét tuyến kênh Hói Trộ và các tuyến nhánh; sửa chữa nâng cấp 04 trạm bơm và khoảng 3,5km kênh tưới; gia cố 2,8km bờ sông xung yếu qua khu dân cư; hoàn trả theo hiện trạng khoảng 4km đường phục vụ thi công.	
6	Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trong tỉnh		200.000	200.000	-	180.000	180.000	Kết cấu hạ tầng của một số cụm công nghiệp trên địa bàn hiện chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến việc vận hành, thu hút nhà đầu tư vào các Cụm công nghiệp; đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải (trên địa bàn hiện còn 8/11 CCN do nhà nước đầu tư chưa được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, gồm: CCN Thạch Đồng; CCN Trung Lương; CCN Kỳ Ninh; CCN Trường Sơn; CCN Phù Việt; CCN Khe Cò; CCN Gia Phố; CCN Vũ Quang)	Hỗ trợ đầu tư, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và hệ thống giao thông nội khu cho các Cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư	Đề xuất chuyển từ danh mục dự án sử dụng nguồn NSTW sang sử dụng NSDP để phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn
III	Hạ tầng giao thông										
1	Dự án xây dựng cầu Hải Ninh Km3+050, đường tỉnh ĐT.555	Phường Kỳ Ninh		173.469	173.469	142.200	156.122	13.922	Cầu Hải Ninh tại Km3+050, đường tỉnh ĐT.555 được xây dựng năm 2002; hiện đã xuất hiện vết nứt dăm, cọc chống trụ, dao động ngang lớn; năm 2017 đã tiến hành sửa chữa bằng trám, bơm keo, dán sợi thủy tinh, nhưng đến nay lại tiếp tục xuất hiện các hư hỏng, nứt gãy cần được đầu tư thay thế để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại	Chiều dài toàn cầu Ltc=241m, bề rộng toàn cầu 12m, bề rộng xe chạy 11m, đường vào cầu dài 369m thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 7m	Điều chỉnh tăng để phù hợp với dự kiến TMDT sau rà soát

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/Đề xuất đầu tư			Mức vốn đã dự kiến bố trí theo Văn bản số 453-CV/ĐU	Mức vốn dự kiến trong KH đầu tư công giai đoạn 2026-2030 (<i>cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với dự kiến khả năng nguồn vốn</i>)	Chênh lệch	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP						
2	Nâng cấp đường huyện ĐH.63 (Sơn Bình - Kim Hoa), huyện Hương Sơn	Xã Tứ Mỹ, Kim Hoa	1896, 24/7/2026	151.566	151.566	110.000	132.633	22.633	Tuyến đường cũ nhỏ hẹp, đã xuống cấp trầm trọng; cần thiết đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu dân sinh; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo nhu cầu giao thông vận tải trên địa bàn; thúc đẩy phát triển sản xuất, phát triển kinh tế xã hội	Tổng chiều dài 8,9km, nền đường 9m, mặt đường và vỉa hè 8m, hệ thống thoát nước, an toàn giao thông và công trình trên tuyến	Điều chỉnh tăng để phù hợp với dự kiến TMDT sau điều chỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng đường Thị Sơn, huyện Can Lộc (giai đoạn 2)	Xã Can Lộc, Xuân Lộc	1947, 05/6/2025	90.000	90.000	-	40.000	40.000	Tuyến đường cũ nhỏ hẹp, xuống cấp; hiện đã được đầu tư nâng cấp giai đoạn 1. Đoạn tuyến còn lại cần được đầu tư đồng bộ để tạo điều kiện cho người dân trong vùng tham gia giao thông thuận lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường với tổng chiều dài 6,6km; nền đường 9-24m, mặt đường 7-12mm, lề đường, vỉa hè và các công trình phụ trợ trên tuyến	Bổ sung danh mục dự án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND
IV	Y tế										
1	Nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất Trung tâm Y tế Hương Khê	Xã Hương Khê		105.000	105.000	68.000	95.000	27.000	Trung tâm y tế Hương Khê được giao kế hoạch 150 giường bệnh nhưng thực kế là 266 giường. Hiện nay một số hạng mục công trình tại Trung tâm đã xuống cấp, hư hỏng, ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh. Diện tích các khoa, phòng nhỏ hẹp, không đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; thiết kế các công trình chưa có tính liên hoàn khoa học, không đảm bảo công năng sử dụng.	Xây mới khối nhà 05 tầng diện tích sàn khoảng 3.750m2; xây dựng hệ thống phòng cháy, chữa cháy, xử lý nước thải, công trình phụ trợ	Điều chỉnh tăng để phù hợp với dự kiến TMDT sau rà soát
2	Đầu tư trang thiết bị y tế, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh	Phường Sông Trĩ		147.000	147.000	142.085	132.300	-9.785	Việc đầu tư phát triển bệnh viện bao gồm: Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất, mua sắm thêm trang thiết bị sẽ giải quyết được tình trạng quá tải, đồng thời tạo điều kiện nâng cao năng lực thực hiện tốt hơn quy trình kỹ thuật chuyên môn y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân trong tình hình mới	Nâng cấp, mở rộng khoa Truyền nhiễm; xây dựng mới một số hạng mục phụ trợ; cải tạo hệ thống phòng cháy, chữa cháy; đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, kỹ thuật chuyên sâu, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin...	Điều chỉnh để phù hợp với dự kiến TMDT sau rà soát
3	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh và Trung tâm Y tế Đức Thọ	Các địa phương trên địa bàn tỉnh		70.000	70.000	81.000	63.000	-18.000	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần có công suất sử dụng giường bệnh khoảng 97,96%, một số hạng mục theo quy hoạch chưa được đầu tư, phải lồng ghép chức năng trong các khối nhà hiện có. TTYT Đức Thọ thường xuyên quá tải, công suất sử dụng giường bệnh đạt 118,2% năm 2025 và 119,6% trong 6 tháng đầu năm; khu khám bệnh, hành chính đã xuống cấp sau hơn 25 năm sử dụng. Việc đầu tư sẽ góp phần khắc phục quá tải, hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và điều kiện phục vụ người dân.	1. Bệnh viện Sức khỏe tâm thần: - Xây dựng mới Khoa Tâm căn, người già 01 tầng (660m2); Khoa Phục hồi chức năng và Trẻ em 01 tầng (480m2); Khoa Giác ngủ 01 tầng (480m2); - Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ. 2. TTYT Đức Thọ: - Xây dựng mới Khu hành chính, khám bệnh 03 tầng (1800m2); - Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ.	Tên dự án theo VB 453: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh
V	Giáo dục và Đào tạo										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/Đề xuất đầu tư			Mức vốn đã dự kiến bố trí theo Văn bản số 453-CV/ĐU	Mức vốn dự kiến trong KH đầu tư công giai đoạn 2026-2030 (<i>cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với dự kiến khả năng nguồn vốn</i>)	Chênh lệch	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP						
1	Xây dựng Trường THPT Thành Sen, thành phố Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	2642, 28/10/2025	50.000	50.000	45.000	45.000		Đầu tư xây dựng Trường THPT Thành Sen từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng công tác dạy và học của giáo viên, học tập của học sinh được tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; hoàn thiện các tiêu chí đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Xây dựng khối nhà học bộ môn 3 tầng, diện tích 969m2; nhà học 3 tầng (12 lớp học và các phòng hỗ trợ học tập), diện tích 1.687m2; hành lang cầu; các hạng mục phụ trợ	
2	Nhà học 03 tầng 15 phòng Trường THPT Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Xuyên	3165, 16/12/2025	19.956	19.956	18.000	18.000		Hoàn thiện cơ sở vật chất Trường THPT Cẩm Xuyên, đảm bảo chất lượng giảng dạy, học tập, đủ điều kiện để triển khai các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Phá dỡ nhà học 03 tầng; Xây mới Nhà học 03 tầng gồm 15 phòng học và hệ thống hạ tầng kỹ thuật	
3	Đầu tư nâng cấp một số hạng mục của Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh	Phường Trần Phú		100.000	100.000	90.000	90.000		Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư từ năm 2006, với quy mô 8 khối chuyên (24 lớp). Hiện nay, Trường có quy mô 39 lớp, 1260 học sinh, so với quy hoạch ban đầu hiện nay quy mô đã tăng 1,5 lần. Số học sinh tăng lên, cơ sở vật chất ngày càng xuống cấp, số lượng phòng học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ quá tải không đáp ứng đủ nhu cầu dạy học, không đảm bảo tiêu chí cơ sở vật chất theo chuẩn Quốc gia tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT	Cải tạo Nhà hiệu bộ và nhà học A1, nhà học A2, nhà bộ môn và nhà học A3, nhà thí nghiệm thực hành A4, Nhà đa năng, nâng cấp trạm biến áp. Xây dựng mới 01 khối nhà hành chính quản trị, 01 khối nhà học, nhà để xe, sân thể thao, các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.	
4	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất một số trường THPT trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh		110.000	110.000	99.000	99.000		Cơ sở vật chất một số trường đã xuống cấp, hư hỏng, ảnh hưởng đến công tác dạy và học của giáo viên và học sinh; Vẫn còn tình trạng thiếu phòng học, nhà đa chức năng nên việc đầu tư là rất cần thiết để phục vụ nhu cầu học tập và giảng dạy	Xây dựng mới các phòng học/nhà đa chức năng, hạ tầng thiết yếu và các hạng mục phụ trợ của các Trường THPT: Lê Quảng Chí, Cao Thắng, Nguyễn Thị Bích Châu, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Trỗi; Nguyễn Huệ, Nguyễn Du	Tên dự án theo VB 453: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn tỉnh
VI	Văn hóa - Xã hội										
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cơ sở nuôi dưỡng đối tượng Người có công và đối tượng bảo trợ Xã hội - Trung tâm điều dưỡng NCC&BTXH	Phường Trần Phú		25.000	25.000	22.000	22.000		Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội được đầu tư xây dựng từ năm 1999, hiện tại cơ sở vật chất, trang thiết bị đã xuống cấp; trang thiết bị thiếu thốn, chưa đồng bộ; quy mô chưa đáp ứng đủ nhu cầu; nguồn lực đầu tư cho các cơ sở hạ tầng còn rất hạn chế; cần thiết đầu tư, nâng cấp để đảm bảo điều kiện hoạt động.	Xây dựng nhà bếp (282m2), nhà ăn (580m2), nhà hội trường (487m2), một phần nhà hành lang cầu (126m2); các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và thiết bị nhà bếp, nhà ăn...	
VII	Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/Đề xuất đầu tư			Mức vốn đã dự kiến bố trí theo Văn bản số 453-CV/ĐU	Mức vốn dự kiến trong KH đầu tư công giai đoạn 2026-2030 (<i>cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với dự kiến khả năng nguồn vốn</i>)	Chênh lệch	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP						
1	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp trụ sở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh		1.100.000	1.100.000	1.000.000	500.000	-500.000	Hiện nay, nhiều trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã xuống cấp; vị trí, quy mô và công năng không còn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và an toàn sử dụng. Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, việc bố trí trụ sở còn phân tán, gây khó khăn trong phối hợp và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Vì vậy, việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp trụ sở là cần thiết nhằm đảm bảo điều kiện làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước	Đầu tư, cải tạo, cấp một số hạng mục, trụ sở các cơ quan, đơn vị phù hợp với phương án sắp xếp, xử lý tài sản công (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm hành chính tỉnh và một số cơ quan, đơn vị khác...)	Điều chỉnh giảm để phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn
2	Đầu tư xây dựng một số hạng mục của Trường Chính trị Trần Phú	Phường Thành Sen	2810, 11/11/2025	105.800	105.800	60.000	60.000	-	Nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trường chính trị mức 1, hướng tới mức 2 theo Đề án số 02-ĐA/TU ngày 09/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Xây dựng mới Nhà hội trường 350 chỗ, Nhà đa năng, Nhà học số 5, số 6, Nhà ăn, Nhà bảo vệ, Hàng lang cầu nối, vườn hoa và Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú và các hạng mục, công trình phụ trợ theo quy hoạch; mua sắm trang thiết bị; phá dỡ một số công trình hiện trạng	